

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề thi gồm có 05 trang

Họ và tên học sinh : Số báo danh : **MÃ ĐỀ 106**

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị ở nước ta trong những năm qua thay đổi theo hướng

- A. số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị đều tăng.
- B. số dân thành thị giảm nhưng tỉ lệ dân thành thị tăng.
- C. số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị đều giảm.
- D. số dân thành thị tăng nhưng tỉ lệ dân thành thị giảm.

Câu 2. Nguyên nhân chủ yếu gây ra sự phân hóa nhiệt độ vào tháng I ở miền khí hậu phía Bắc của nước ta là

- A. gió đông bắc, độ cao địa hình, phạm vi trải dài trên nhiều vĩ độ.
- B. cánh cung đón gió, frông cực, chuyển động biểu kiến của Mặt Trời.
- C. các dãy núi cao, gió mùa đông hoạt động thất thường, frông cực.
- D. gần chí tuyến Bắc, địa hình phân hóa đa dạng, dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây đúng với vận tải đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Chưa phát triển các tuyến đường cao tốc.
- B. Mạng lưới đã phủ kín khắp cả nước.
- C. Toàn bộ các tuyến theo hướng bắc - nam.
- D. Chỉ tham gia vận chuyển hành khách.

Câu 4. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các khu công nghiệp ở nước ta

- A. đẩy nhanh đô thị hóa và phân bố lại dân cư.
- B. tạo nhiều sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu.
- C. sử dụng tốt tài nguyên, tạo nhiều việc làm.
- D. thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất hàng hóa.

Câu 5. Trong điều kiện thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, để sản xuất nông nghiệp ổn định thì nhiệm vụ quan trọng luôn phải là

- A. phát triển công nghiệp chế biến gắn với thị trường.
- B. sử dụng nhiều loại phân bón và thuốc trừ sâu.
- C. phòng chống thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh.
- D. có chính sách phát triển nông nghiệp đúng đắn.

Câu 6. Trong thời gian gần đây, việc xuất khẩu nông sản ở nước ta được đẩy mạnh chủ yếu do

- A. mở rộng thị trường, sản lượng nông sản lớn.
- B. nông sản nổi tiếng thế giới, vận chuyển giá rẻ.
- C. điều kiện sản xuất thuận lợi, nhu cầu đa dạng.
- D. đẩy mạnh chế biến, đáp ứng được thị trường.

Câu 7. Thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió, ở nước ta thường có hoạt động của loại gió nào sau đây?

- A. gió mùa Tây Nam. B. Gió Tây khô nóng. C. Tín phong. D. gió mùa Đông Bắc.

Câu 8. Kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng chủ yếu do

- A. thị trường thế giới ngày càng mở rộng và hàng hoá đa dạng.

- B. sự phát triển kinh tế và những đổi mới trong cơ chế quản lí.
- C. có nhiều thành phần kinh tế tham gia và sản xuất phát triển.
- D. tăng cường nhập khẩu tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.

Câu 9. Đặc điểm giống nhau về điều kiện sinh thái nông nghiệp của Tây Nguyên và Đông Nam Bộ là

- A. diện tích đất ba dan rộng lớn, thiếu nước vào mùa khô.
- B. các cao nguyên xếp tầng rộng lớn, khí hậu cận xích đạo.
- C. địa hình bán bình nguyên, khí hậu phân hóa rõ rệt theo độ cao.
- D. nguồn nước dồi dào, có tiềm năng lớn cho nuôi trồng thủy sản.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu Việt Nam?

- A. Khí hậu mang tính chất nhiệt đới.
- B. Khí hậu có sự phân hoá đa dạng.
- C. Mùa đông lạnh kéo dài 2 - 3 tháng.
- D. Chịu tác động sâu sắc của gió mùa.

Câu 11. Đặc điểm nào sau đây đúng với ngành viễn thông nước ta hiện nay?

- A. Sử dụng công nghệ lạc hậu.
- B. Chủ yếu phát triển mạng điện thoại.
- C. Chỉ phát triển ở các thành phố lớn.
- D. Phát triển với tốc độ nhanh.

Câu 12. Điểm đặc biệt nào sau đây **không** đúng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta?

- A. Hình thành được các vùng kinh tế trọng điểm.
- B. Miền núi trở thành vùng kinh tế năng động.
- C. Hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp.
- D. Xuất hiện các khu công nghiệp quy mô lớn.

Câu 13. Kết quả nào sau đây là lớn nhất của quá trình đẩy mạnh phát triển kinh tế ở nước ta?

- A. Chuyển dịch cơ cấu ngành, hình thành các khu chế xuất.
- B. Hình thành các vùng động lực và khu công nghệ cao.
- C. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phân hóa các vùng sản xuất.
- D. Hình thành các vùng chuyên canh và khu công nghiệp.

Câu 14. Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc khác Tây Bắc ở đặc điểm nào sau đây?

- A. mùa đông bớt lạnh nhưng khô hơn.
- B. mùa hạ đến sớm, đôi khi có gió Tây.
- C. mùa đông lạnh đến sớm hơn ở vùng núi thấp.
- D. khí hậu lạnh chủ yếu do độ cao của địa hình.

Câu 15. Cơ cấu sản phẩm công nghiệp nước ta hiện nay ngày càng đa dạng chủ yếu do

- A. thị trường rộng với nhu cầu phong phú.
- B. khai thác tài nguyên khoáng sản phong phú.
- C. lao động đông đảo và chất lượng tốt.
- D. hình thành các khu công nghiệp quy mô lớn.

Câu 16. Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ của nước ta có sự chuyển dịch nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Tăng cường hội nhập với thế giới.
- B. Khai thác thế mạnh của từng vùng.
- C. Giải quyết việc làm, tăng thu nhập.
- D. Phát triển đồng đều giữa các vùng.

Câu 17. Do nước ta nằm liền kề với Biển Đông và lãnh thổ hẹp ngang nên

- A. ít chịu ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới.
- B. có khí hậu khác biệt so với nhiều nước cùng vĩ độ.
- C. chịu tác động mạnh của các khối khí lạnh từ cực thổi về.
- D. nhận được lượng mưa lớn đồng đều trên toàn lãnh thổ.

Câu 18. Khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng đất ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta là

- A. địa hình thấp, ảnh hưởng mạnh của triều cường.
- B. tình trạng thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.

C. tính không ổn định của thời tiết, khí hậu.

D. sự thất thường của nhịp điệu dòng chảy sông ngòi.

Câu 19. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho thu nhập bình quân của lao động nước ta thuộc loại thấp so với thế giới?

A. Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn lớn.

B. Hệ thống cơ sở hạ tầng lạc hậu.

C. Năng suất lao động chưa cao.

D. Lao động thiếu tác phong công nghiệp.

Câu 20. Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu lao động nước ta là do

A. các hoạt động kinh tế tập trung chủ yếu ở công nghiệp - xây dựng, dịch vụ chưa phát triển.

B. việc hội nhập vẫn còn nhiều khó khăn, đối tượng lao động hạn chế, vốn đầu tư chưa nhiều.

C. các hoạt động kinh tế chỉ diễn ra ở các thành phố lớn, cần lao động có chuyên môn cao.

D. các hoạt động kinh tế chưa đa dạng, cần lao động có trình độ kỹ thuật và công nghệ cao.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Hiện trạng sử dụng đất của cả nước, đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long năm 2022

(Đơn vị: Nghìn ha)

Loại đất	Tổng	Đất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Đất chuyên dùng	Đất ở
Cả nước	33134,5	11693,1	15439,7	2024,7	759,5
Đồng bằng sông Hồng	2127,8	773,4	515,9	349,1	150,8
Đồng bằng sông Cửu Long	4092,3	2574,2	294,8	256,3	138,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, năm 2022)

a) Tỷ lệ diện tích đất chuyên dùng của Đồng bằng sông Hồng lớn hơn Đồng bằng sông Cửu Long là 12%.

b) Trong cơ cấu sử dụng đất của cả nước, đất nông nghiệp chiếm diện tích nhỏ nhất.

c) Đất nông nghiệp chiếm diện tích lớn nhất trong cơ cấu sử dụng đất của cả Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

d) Tỷ lệ diện tích đất ở của Đồng bằng sông Hồng lớn hơn so với Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước chủ yếu do dân số đông.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Các vùng chuyên canh được định hướng phát triển thành vùng sản xuất hàng hoá, vùng chuyên canh nông nghiệp hữu cơ, vùng chăn nuôi tập trung an toàn, hiệu quả cao dựa trên lợi thế vùng, miền, địa phương; đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, thích ứng với biến đổi khí hậu.

a) Các vùng chuyên canh nông nghiệp của nước ta khá đa dạng bao gồm cả vùng trồng trọt, vùng chăn nuôi.

b) Hình thành vùng chuyên canh cây chè ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nhằm khai thác hiệu quả thế mạnh, phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao đời sống.

c) Các vùng chuyên canh được hình thành dựa trên điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội thuận lợi ở các địa phương.

d) Ở vùng đồi trước núi của Bắc Trung Bộ hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm chủ yếu do có đất feralit màu mỡ, khí hậu ôn hòa.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đất là tài nguyên quốc gia vô cùng quan trọng, là tư liệu sản xuất chủ yếu của nông nghiệp và lâm nghiệp. Tuy nhiên, việc sử dụng đất hiện nay chưa hợp lý làm cho tài nguyên đất đang bị suy giảm. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới sự suy giảm tài nguyên đất, trong đó có cả nhân tố tự nhiên và nhân tố con người.

a) Các chất thải công nghiệp, giao thông, sinh hoạt và sử dụng phân hóa học....gây ô nhiễm đất, giảm độ phì trong đất.

b) Hoang mạc hóa, mặn hóa, phèn hóa, suy giảm độ phì, ô nhiễm đất...là biểu hiện của suy giảm tài nguyên đất.

c) Tình trạng nước biển dâng, cát bay, sử dụng phân bón, chất thải công nghiệp...là các nguyên nhân tự nhiên làm cho đất bị suy thoái.

d) Sự suy giảm tài nguyên rừng, biến đổi khí hậu,...dẫn tới tình trạng xói mòn, sạt lở, xâm nhập mặn...

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Một số sản phẩm chủ yếu của công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính giai đoạn 2010 - 2021

(Đơn vị: Triệu cái)

Sản phẩm	2010	2015	2020	2021
Điện thoại di động	37,5	235,6	201,6	183,3
Ti vi lắp ráp	2,8	5,5	13,6	20,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2022)

a) Số lượng điện thoại di động và ti vi lắp ráp đều tăng liên tục từ 2010 - 2021.

b) Điện thoại di động có số lượng lớn hơn ti vi lắp ráp do nhu cầu sử dụng lớn.

c) Ti vi lắp ráp có số lượng nhỏ hơn nhưng tăng nhanh hơn điện thoại di động.

d) Giai đoạn 2010-2021, số lượng điện thoại di động tăng nhanh hơn ti vi lắp ráp.

Câu 5. Cho thông tin sau:

Đô thị hóa gắn liền với công nghiệp hóa. Một mặt quá trình công nghiệp hóa là tiền đề cho sự hình thành đô thị hóa khi gia tăng về số lượng và quy mô các cơ sở sản xuất. Mặt khác, hệ thống đô thị được hình thành cùng với sự hình thành phát triển về cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa phát triển, mở rộng quy mô và hình thành các khu công nghiệp mới.

a) Sự mở mang hoạt động công nghiệp, dịch vụ tạo sức hút lớn đối với dân cư tập trung đông vào các đô thị.

b) Quá trình công nghiệp hóa diễn ra khác nhau giữa các vùng lãnh thổ nên quá trình đô thị hóa cũng khác nhau.

c) Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hóa ở nước ta.

d) Đô thị hóa ở nước ta gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 6. Cho thông tin sau:

Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành hiện nay là kết quả của quá trình tái cấu trúc, nội địa hoá sản phẩm, phát triển công nghiệp xanh, hội nhập quốc tế. Sự chuyển dịch này gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao năng suất lao động, giảm phụ thuộc vào khai thác tài nguyên của Việt Nam, hướng tới phát triển bền vững.

a) Tác động của biến đổi khí hậu dẫn đến Việt Nam cần đẩy mạnh phát triển công nghiệp xanh, công nghiệp bền vững, giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

b) Nhân tố tác động đến chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta là quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

c) Mục đích của việc chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp là nâng cao trình độ phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết nhiều việc làm.

d) Nguyên nhân chủ quan khiến cho các ngành công nghiệp nước ta ngày càng đa dạng là khai thác hiệu quả các nguồn lực trong nước.

Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1. Theo thống kê, năm 2021 cả nước vẫn còn 3,2 % lao động thất nghiệp và 3,1 % lao động thiếu việc làm. Số lao động của nước ta là 50,6 triệu người. Cho biết chênh lệch giữa số lao động thất nghiệp so với số lao động thiếu việc làm của nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu người (*làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai của triệu người*).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Số lượt khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch của khu vực Đông Nam Á năm 2005 và năm 2019

Tiêu chí/Năm	2005	2019
Số lượt khách (<i>triệu người</i>)	49,3	138,5
Doanh thu du lịch (<i>tỉ USD</i>)	33,8	147,6

(*Nguồn: WB năm 2022*)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết doanh thu trung bình từ một khách du lịch đến khu vực Đông Nam Á năm 2019 tăng lên bao nhiêu USD so với năm 2005? (*làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của USD*)

Câu 3. Sản lượng điện nước ta từ 157 949 triệu kWh năm 2015 tăng lên 258 790,9 triệu kWh năm 2022. Hãy tính tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của nước ta năm 2022 so với năm 2015 (*coi năm 2015 = 100%*). (*làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %*)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021

(*Đơn vị: Nghìn tấn*)

Năm	Cá nuôi	Tôm nuôi	Thủy sản khác
2015	3550,7	2552,2	635,6
2017	3938,7	2755,8	749,1
2019	4592,0	3197,7	900,7
2021	4855,4	3300,0	996,3

(*Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022*)

Cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2021 gấp bao nhiêu lần năm 2015? (*làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân*)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội và Cà Mau năm 2022

(*Đơn vị: °C*)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội (Láng)	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8
Cà Mau	27,1	27,9	28,0	28,7	28,6	28,7	27,9	27,8	27,4	27,7	26,7	26,6

(*Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022*)

Cho biết nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội thấp hơn nhiệt độ trung bình năm của Cà Mau bao nhiêu °C? (*làm tròn đến một chữ số thập phân của °C*)

Câu 6. Theo quy luật đai cao, cứ lên cao 100m thì nhiệt độ không khí sẽ giảm 0,6°C. Khi nhiệt độ không khí ở chân núi Phan-xi-păng là 22°C thì tại độ cao 2500 m sườn đón gió của đỉnh núi này có nhiệt độ là bao nhiêu °C? (*làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C*)

----- HẾT -----